

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thiết kế thời trang của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-KĐCLGDTL ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-KĐCLGDTL ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn Tổ thư ký Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thiết kế thời trang của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 27 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức đối với hình thức đào tạo chính quy và tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch theo đúng quy định và quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài. Hội đồng thẩm định đã rà soát, đánh giá kết quả đạt được và nhất trí điều chỉnh mức điểm đánh giá Tiêu chí 11.3 từ mức 5/7 thành mức 4/7.

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thiết kế thời trang của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ mức 4 trở lên là 45/50 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (*Chi tiết trong Phụ lục I*). Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thiết kế thời trang của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đạt yêu cầu về chất lượng.

2. Kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tiếp tục phát huy những điểm mạnh, thực hiện các nhóm giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (*Chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long ban hành Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thiết kế thời trang của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Giám đốc TTKĐCLGD Thăng Long;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCN CLGD;
- Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 01 năm 2024
 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		4,00	4	80,00
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	5			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,92	45	90,00

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 01 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

I. PHÁT HUY NHỮNG ĐIỂM MẠNH

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tiếp tục phát huy những điểm mạnh của chương trình đào tạo Thiết kế thời trang (CTĐT), cụ thể như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát, phát triển theo định hướng CDIO, có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan và được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần có đầy đủ thông tin, được rà soát định kỳ 02 năm/lần và được công khai. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, có sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành; được định kỳ rà soát, bổ sung. Các học phần trong chương trình dạy học được bố trí khá hợp lý theo kế hoạch của từng học kỳ. Triết lý giáo dục được tuyên bố chính thức và phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động và phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp, hướng đến chuẩn đầu ra. Người học được hướng dẫn sử dụng các hoạt động học tập phù hợp nhằm đạt được chuẩn đầu ra; có nhiều cơ hội để hình thành và phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn thông qua các hoạt động học tập đa dạng và môi trường thực hành, thực nghiệp tốt. Quy trình, kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng và được phổ biến đến người học qua nhiều phương thức khác nhau. Giảng viên đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả học tập của người học được phản hồi kịp thời để người học kịp thời cải thiện kết quả học tập. Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập. Việc khiếu nại về kết quả học tập được giải quyết kịp thời, thoả đáng. Nhà trường đã ban hành các Chiến lược phát triển trong từng giai đoạn làm cơ sở để quy hoạch đội ngũ giảng viên. Tiêu chí tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng, công bố công khai. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Năng lực và khối lượng thực hiện nhiệm vụ của giảng viên cơ hữu được đo lường, quản lý, giám sát và đánh giá. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch, tuyển dụng, phát triển đúng quy định của Nhà nước và của Trường. Quy trình lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, được công bố công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện. Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo quy định; được rà soát, đánh giá và được công bố công khai bằng nhiều hình thức. Nhà trường có

các bộ phận chuyên trách thực hiện việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, tư vấn học tập và hỗ trợ người học trong việc cải thiện kết quả học tập và tìm kiếm việc làm; có phần mềm quản lý đào tạo, có cơ sở dữ liệu liên quan đến học tập, kết quả học tập và rèn luyện của người học. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn. Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, y tế học đường đảm bảo sự an toàn, an ninh trong khu vực Trường. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học được xây dựng, rà soát, đánh giá và cải tiến theo phương pháp tiếp cận CDIO. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số kết quả nghiên cứu được sử dụng cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học hằng năm; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp; loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu; cơ sở dữ liệu của người học được xác lập, theo dõi, giám sát và đối sánh. Nguyên nhân chậm tốt nghiệp được phân tích, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Nhà trường đã ban hành quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học; đã thực hiện các hoạt động khảo sát đối với giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên về chất lượng CTĐT, nghiên cứu khoa học, các dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo theo các nhóm giải pháp sau đây:

1. Nghiên cứu, bổ sung nội dung về thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp vào mục tiêu của CTĐT; phát biểu chuẩn đầu ra một cách nhất quán, tường minh và mạch lạc theo các cấp độ tư duy trong toàn bộ bản mô tả CTĐT; tăng cường thu thập ý kiến phản hồi/góp ý của các bên liên quan ngoài Trường về chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Rà soát Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần đảm bảo tính nhất quán, mạch lạc, rõ ràng, đầy đủ các thông tin theo quy định; tiếp tục rà soát CTĐT về chuẩn đầu ra và tính tương thích của các học phần với đóng góp cho việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường công tác bồi dưỡng/tập huấn cho giảng viên về xây dựng, phát triển CTĐT theo phương pháp tiếp cận CDIO; công bố công khai đề cương chi tiết học phần của CTĐT trên trang tin chỉ của người học.

3. Xác định các chỉ báo cụ thể cho chuẩn đầu ra của CTĐT và ma trận liên

kết giữa chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá để tạo thuận lợi cho việc đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra; tăng cường việc lấy ý kiến các bên liên quan ngoài Trường đóng góp cho chuẩn đầu ra học phần và nội dung giảng dạy học phần phù hợp yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp; tăng cường năng lực tiếng Anh chuyên ngành; nghiên cứu thay đổi tên học phần Thực tập công nhân phù hợp với bản sắc và đặc thù của ngành Thiết kế thời trang; tăng thời lượng hoặc tích hợp nội dung học phần Kỹ năng thuyết trình vào các học phần của chương trình dạy học.

4. Hướng dẫn cụ thể nhằm triển khai nội hàm của Mục tiêu giáo dục vào CTĐT và các hoạt động dạy và học theo đặc thù của ngành Thiết kế thời trang; tăng cường các hội nghị, hội thảo của Trường/Khoa về cải tiến các hoạt động dạy và học cho ngành Thiết kế thời trang phát huy năng lực sáng tạo nghệ thuật cá nhân, nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra theo tiếp cận CDIO.

5. Tăng cường hoạt động giám sát, quản lý đối với công tác/hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; xây dựng văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể nhằm giúp hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập đảm bảo đo lường được các chuẩn đầu ra cần đo, đảm bảo độ tin cậy và tính công bằng, đáp ứng quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng các rubrics đánh giá quá trình học tập và đánh giá cuối kỳ hướng đến đánh giá được mức độ đạt được các chuẩn đầu ra; xây dựng ma trận đề thi, đảm bảo đánh giá được chuẩn đầu ra học phần, đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, khách quan; phân tích kết quả thi và đáp án để xác định mức độ phù hợp của hoạt động kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần; phân tích phổ điểm của từng học phần qua các năm học và phổ điểm của học phần đối với từng giảng viên giảng dạy qua các năm học.

6. Đổi mới quản trị và phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo tiếp cận năng lực phù hợp với điều kiện tuyển dụng, đánh giá, đãi ngộ và đào tạo thông qua việc hoàn thiện khung năng lực và mức năng lực từng vị trí việc làm; xây dựng bộ chỉ số KPIs tích hợp các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tăng cường giám sát, đánh giá đối với giảng viên thỉnh giảng; ban hành quy định về tuyển dụng và đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên; đổi mới chính sách, cơ chế để khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên trong nghiên cứu khoa học; đầu tư và hỗ trợ hình thành các hướng nghiên cứu/nhóm nghiên cứu liên ngành và thúc đẩy công bố bài trên các tạp chí trong nước và quốc tế để phát huy tiềm năng nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên.

7. Bổ sung các yêu cầu, chỉ số về đội ngũ nhân viên trong Chiến lược phát triển Nhà trường; hoàn thiện, chính thức phê duyệt Đề án vị trí việc làm; bổ sung quy định về việc tổng kết, đánh giá các hoạt động liên quan đến đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình PDCA; xây dựng bộ chỉ số đánh giá công việc KPIs.

8. Phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động đối với CTĐT; sử dụng các phương pháp đánh giá tương quan giữa tiêu chí tuyển sinh với năng lực thí sinh một cách bài bản hơn thông qua so sánh, phân tích chất lượng

học tập của người học để điều chỉnh chính sách tuyển sinh nhằm thu hút được thí sinh giỏi hơn vào CTĐT; ban hành quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của người học; cập nhật một số văn bản theo quy định; thường xuyên đánh giá phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học; cập nhật Phần mềm tổng hợp dữ liệu về học tập, rèn luyện, theo dõi tiến độ chậm học, thôi học của sinh viên được linh hoạt, kịp thời; khảo sát đa dạng các bên liên quan về việc làm của sinh viên tốt nghiệp, hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, các dịch vụ hỗ trợ người học và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường; sớm hoàn thiện, mở rộng diện tích sử dụng trong khuôn viên Trường, bố trí phòng làm việc, sinh hoạt riêng cho các câu lạc bộ.

9. Rà soát hệ thống phòng làm việc và trang thiết bị, bố trí đầy đủ phòng làm việc cho các bộ môn; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý thư viện số để đảm bảo đủ các chức năng phục vụ thống kê, báo cáo và tăng cường hiệu quả công tác của Trung tâm Thông tin Thư viện; rà soát lại giáo trình và tài liệu dạy học theo CTĐT để lên kế hoạch biên soạn, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành; khai thác tối đa các thiết bị, xưởng thực hành thời trang; rà soát đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống wifi trong toàn trường để có giải pháp nâng cấp tốc độ đường truyền; phân tích sâu kết quả khảo sát của các bên liên quan để đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng của hệ thống công nghệ thông tin; ban hành văn bản Trường về quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn; khảo sát đầy đủ các nội dung và đa dạng các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Rà soát lại hoạt động lập kế hoạch rà soát, đánh giá, phát triển CTĐT, chương trình dạy học; thực hiện đầy đủ quy định thu thập thông tin phản hồi, thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo của các bên liên quan, yêu cầu về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp làm cơ sở thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; nâng cấp phần mềm hỗ trợ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tạo dựng cơ sở dữ liệu, trích xuất được số liệu cần thiết; bổ sung hoạt động rà soát quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học, thể hiện đồng bộ trong kế hoạch rà soát CTĐT, chương trình dạy học; rà soát, cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; cụ thể hóa nhóm các tiêu chí đánh giá quá trình dạy học của giảng viên, đánh giá kết quả học tập của người học và nhóm đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thể hiện đồng bộ trong việc lấy ý kiến các bên liên quan; rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, xây dựng môi trường kết nối nhằm trao đổi thường xuyên, liên tục, chia sẻ kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

11. Xác định các giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ sinh viên hoàn thành CTĐT

đúng thời gian quy định, từng bước cải thiện theo hướng tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước thời hạn và đúng thời hạn quy định; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ người học đảm bảo thời gian tốt nghiệp đúng quy định của CTĐT để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế học tập của người học; thực hiện đối sánh về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp CTĐT có việc làm và thu nhập với CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp phù hợp đảm bảo tăng tỷ lệ có việc làm, đặc biệt là tỷ lệ việc làm đúng ngành đào tạo; trích đủ tỷ lệ kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên theo quy định của Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ; tăng cường liên kết, hợp tác với các bên liên quan, các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho sinh viên triển khai nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, cải tiến chất lượng và nâng cao số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên; thực hiện khảo sát các bên liên quan ngoài Trường thường xuyên/định kỳ về mức độ hài lòng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ; đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa CTĐT ngành Thiết kế thời trang với các CTĐT khác trong cơ sở giáo dục và với các cơ sở giáo dục khác.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Thiết kế thời trang. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.